TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/**2021/KDTM-ST
Ngày: 15/01/2021
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị Bích Diệp**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hà My** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Minh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 32/2020/TLST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2020/ QĐST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H**.

Trụ sở: Số …, Bis N, phường B, Quận …, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông **P.Q.T** - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **L.T.G** - Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Miền Bắc, theo Quyết định số 697/ 2020/QĐ-TGĐ ngày 08/4/2020. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **N.T.B**, bà **N.T.H.M**, ông **Đ.M.Đ**, theo Giấy ủy quyền số 102/2020/ HDB-XLNMB ngày 01/6/2020. - *Có mặt bà M.*

Bị đơn: **Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T**.

Trụ sở: Số …, phố L, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **L.Đ.T** - Chủ tịch Công ty. Nơi ĐKHK thường trú: Số …, Phố H, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. - *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H** trình bày:

Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H - Chi nhánh H và Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại Quốc tế T.T đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2937/16/HĐTDHM-DN/194 ngày 25/7/2016 cùng các khế ước nhận nợ như sau:

Khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/29 giải ngân ngày 19/6/2017, số tiền 800.000.000 đồng, đáo hạn ngày 19/12/2017.

Khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/31 giải ngân ngày 22/6/2017, số tiền 254.912.000 đồng, đáo hạn ngày 22/12/2017.

Khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/32 giải ngân 23/6/2017, số tiền 198.820.000 đồng, đáo hạn ngày 23/12/2017.

Khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/33, giải ngân ngày 21/7/2017, số tiền 444.015.000 đồng, đáo hạn ngày 21/01/2018.

Tổng số tiền gốc là 1.697.747.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

- Quyền sử dụng đất diện tích 35,3m^2 và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 46-1F, Tờ bản đồ số 09 NH, địa chỉ số …, hẻm …/…/…, phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 371xxx, số vào sổ cấp GCN: CH001xxx 65/2013/QĐUB do UBND quận B cấp ngày 16/01/2013 cho bà L.T.H, ông L.A.T (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 1345.2016/HĐTC, quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/7/2016 tại Văn phòng công chứng N, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/7/2016).

- Ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, sản xuất năm 2013, số khung KLY2B11ZDDC040226, số máy LA08S2039151KD2, theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2236/17/HĐBĐ-194 ngày 22/5/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 22/5/2017.

- Ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, sản xuất năm 2013, số khung KLY2B11ZDEC009178, số máy LA08S2132490264; Ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, sản xuất năm 2013, số khung KLY2B11ZDEC007530, số máy LA08S2132360084; Ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, sản xuất năm 2013, số

khung KLY2B11ZDDC045124, số máy LA08S2047562KD2, theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2422/17/HĐBĐ-194 ngày 31/5/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 31/5/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T.T đã thanh toán 314.645.305 đồng nợ gốc và 110.576.758 đồng nợ lãi, không thực hiện trả nợ số tiền nợ còn lại theo như cam kết. Ngân hàng đã gửi thông báo yêu cầu Công ty T.T trả nợ và yêu cầu Công ty, bên bảo đảm bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định, nhưng Công ty T.T và bên bảo đảm không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 18/8/2020, ông L.A.T đã nộp 1.383.101.695 đồng để thanh toán một phần dư nợ của khoản vay Công ty T.T và Ngân hàng đã giải chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 35,3m^2 và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 46-1F, tờ bản đồ số 09 NH, địa chỉ số …, hẻm …/…/…, phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 371xxx, số vào sổ cấp GCN: CH001xxx 65/2013/QĐUB do UBND quận B cấp ngày 16/01/2013 cho bà L.T.H, ông L.A.T.

Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty T.T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền tạm tính đến hết ngày 20/12/2020 là: 566.864.299 đồng, bao gồm 566.864.299 đồng tiền lãi quá hạn.

- Buộc Công ty T.T thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 21/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty T.T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm là: Ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, sản xuất năm 2013, số khung KLY2B11ZDDC040226, số máy LA08S2039151KD2; Ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, sản xuất năm 2013, số khung KLY2B11ZDEC009178, số máy LA08S2132490264; Ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, sản xuất năm 2013, số khung KLY2B11ZDEC007530, số máy LA08S2132360084; Ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, sản xuất năm 2013, số khung KLY2B11ZDDC045124, số máy LA08S2047562KD2.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty T.T đối với Ngân hàng, sau khi trừ đi các

chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty T.T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là **Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T** do ông **L.Đ.T** - Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án để biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tiếp theo, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn không tham gia việc xem xét, thẩm định tại chỗ, phiên họp, phiên hòa giải. Sau đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa cho ông T. Ông T được sao chụp tài liệu, chứng cứ theo quy định và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Tòa án đã phối hợp với Công an phường Đ tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho ông T, nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không cử người đại diện khác tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty T.T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền tính đến ngày 15/01/2021 là 566.864.299 đồng tiền lãi quá hạn.

- Buộc Công ty T.T thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 15/01/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty T.T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 04 xe ô tô tải nêu trên để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty T.T đối với Ngân hàng, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được

từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty T.T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền lãi quá hạn là 566.864.299 đồng, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là 04 xe ô tô để thu hồi nợ. Về án phí: Đề nghị Tòa án xác định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 04/5/2015, có trụ sở tại số …, phố L, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Công ty T.T là bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty T.T.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Ngày 25/7/2016, bên cấp tín dụng là Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H - Chi nhánh H, bên được cấp tín dụng là Công ty T.T và bên bảo đảm là ông L.T.T, ông L.A.T, bà L.T.H ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2937/16/HĐTDHM-DN/194 gồm các nội dung chủ yếu sau: Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô (xe ô tô tải, xe ô tô du

lịch) mang nhãn hiệu Kia, Huyndai, phát hành bảo lãnh thanh toán tiền nhập hàng theo từng hợp đồng/đơn hàng cụ thể. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 25/7/2016 đến ngày 25/7/2017. Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ/Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh trên cơ sở lãi suất cho vay được Ngân hàng ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay thực tế (kể từ thời điểm giải ngân đến thời điểm bên được cấp tín dụng trả hết nợ). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với dư nợ gốc quá hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Biện pháp bảo đảm nợ vay: Thế chấp. Tài sản bảo đảm số 01: Thửa đất số 54(2)-2, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Tổ …, phường B, quận L, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 909xxx, số vào sổ cấp GCN 1594 do UBND quận L cấp ngày 19/6/2013 cho ông L.T.T, trị giá 1.823.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm số 02: Thửa đất số 46-1F, tờ bản đồ số 09 NH, địa chỉ: Số …, hẻm …/…/…, phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 371xxx, số vào sổ cấp GCN CH001xxx 65/2013/QĐUB do UBND quận B cấp ngày 16/01/2013 cho bà L.T.H, ông L.A.T, trị giá 1.321.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm số 03: Hàng hóa là xe ô tô tải, ô tô du lịch (do bên được cấp tín dụng nhập khẩu trực tiếp) hình thành từ vốn vay/hàng hóa tồn kho hiện hữu mang nhãn hiệu Kia, Huyndai, thuộc quyền sở hữu của Công ty T.T, trị giá ghi trên tờ khai hải quan + thuế nhập khẩu.

Xét hợp đồng tín dụng nêu trên có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, do các bên tự nguyện ký kết, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng hạn mức, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H - Chi nhánh H đã cấp tín dụng Công ty T.T theo nhiều khế ước nhận nợ, trong đó có những khế ước đã tất toán, không có tranh chấp. Tính đến ngày Tòa án thụ lý vụ án, Công ty T.T còn nợ số tiền gốc theo 04 khế ước sau:

Theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/29 ngày 19/6/2017, Ngân hàng cho Công ty T.T vay số tiền 800.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán số 15/6/2017/BOTO/AT-NA ngày 15/6/2017 với Công ty TNHH TM và XNK ô tô V. Thời hạn vay 06 tháng từ ngày nhận nợ đến ngày 19/12/2017. Lãi suất cho vay

trong hạn 10,5%/năm. Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên 25/6/2017. Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản của thanh toán của khách hàng tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H - Chi nhánh H.H.T, sau đó chuyển khoản số tiền 800.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH TM và XNK ô tô V tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T.L. Công ty T.T đã thanh toán 314.645.305 đồng tiền gốc, số nợ gốc chưa trả là 485.354.695 đồng.

Theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/31 ngày 22/6/2017, Ngân hàng cho Công ty T.T vay số tiền 254.912.000 đồng để thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng số 1505-2017/DL-TT ngày 15/5/2017. Thời hạn vay 06 tháng từ ngày nhận nợ đến ngày 22/12/2017. Lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm. Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên 25/6/2017. Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản của thanh toán của khách hàng tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H - Chi nhánh H.H.T, sau đó mua 11.200 USD và chuyển khoản số tiền 11.200 USD vào tài khoản của DOOLIM INTERCORP tại Industrial Bank of Korea, Songdo branch. Thực hiện khế ước, Công ty T.T thanh toán 0 đồng tiền gốc, số nợ gốc chưa trả là 254.912.000 đồng.

Theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/32 ngày 23/6/2017, Ngân hàng cho Công ty T.T vay số tiền 198.820.000 đồng để thanh toán tiền thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng xe ô tô theo tờ khai bổ sung hàng hóa nhập khẩu số 101467025810 ngày 20/6/2017 cho Kho bạc Nhà nước thành phố H. Thời hạn vay 06 tháng từ ngày nhận nợ đến ngày 23/12/2017. Lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm. Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên 25/6/2017. Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản của thanh toán của khách hàng tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H - Chi nhánh H.H.T, sau đó chuyển khoản số tiền 198.820.000 đồng vào tài khoản của Chi cục Hải quan cửa khẩu H - Khu vực III tại Kho bạc Nhà nước quận N, thành phố Hải Phòng. Thực hiện khế ước, Công ty T.T thanh toán 0 đồng tiền gốc, số nợ gốc chưa trả là 198.820.000 đồng.

Theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/33 ngày 21/7/2017, Ngân hàng cho Công ty T.T vay số tiền 444.015.000 đồng, để thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng 0707-2017/DL-TT ngày 07/07/2017. Thời hạn vay 06 tháng từ ngày nhận nợ đến ngày 19/12/2017. Lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm. Phương thức trả nợ: Nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, ngày trả nợ đầu tiên

25/7/2017. Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản của thanh toán của khách hàng tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H - Chi nhánh H.H.T, sau đó mua 19.500 USD và chuyển khoản số tiền 19.500 USD vào tài khoản của DOOLIM INTERCORP tại Industrial Bank of Korea, Songdo branch. Thực hiện khế ước, Công ty T.T thanh toán 0 đồng nợ gốc, số nợ gốc chưa trả là 444.015.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà Công ty T.T đã được vay theo 04 khế ước nhận nợ nêu trên là: 800.000.000 đồng + 254.912.000 đồng + 198.820.000 đồng + 444.015.000 đồng = 1.697.747.000 đồng. Tổng số tiền gốc Công ty T.T đã trả là: 314.645.305 đồng. Tổng sợ nợ gốc Công ty T.T chưa trả tính đến ngày thụ lý vụ án là: 1.697.747.000 đồng - 314.645.305 đồng = 1.383.101.695 đồng.

Ngày 18/8/2020, bên bảo đảm là ông L.A.T đã thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 1.383.101.695 đồng và ngày 06/9/2020, Ngân hàng rút yêu cầu đòi Công ty T.T trả số nợ gốc là 1.383.101.695 đồng. Do đó, Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H về việc đòi Công ty T.T trả số nợ gốc là 1.383.101.695 đồng. Ông T, bà H không có yêu cầu độc lập, nên Tòa án thông báo chấm dứt tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông T, bà H trong vụ án này. Trường hợp ông T, bà H có tranh chấp với Công ty T.T về việc ông T đã thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm, thì ông T, bà H có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Căn cứ Bảng chiết tính lãi do Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H giao nộp, Tòa án xác định việc trả tiền lãi của Công ty T.T như sau:

Theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/29 ngày 19/6/2017, số tiền gốc là 800.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, tiền lãi trong hạn là 42.700.000 đồng đã thanh toán đủ, bị chuyển quá hạn từ ngày 25/9/2017, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 18/8/2020 là 211.721.543 đồng, đã trả 18.828.162 đồng, chưa trả 192.893.381 đồng.

Theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/31 ngày 22/6/2017, số tiền gốc là 254.912.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, tiền lãi trong hạn là 15.464.660 đồng đã thanh toán đủ, bị chuyển quá hạn từ ngày 25/9/2017, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 18/8/2020 là 108.184.167 đồng, đã trả 563.507 đồng, chưa trả 107.620.660 đồng.

Theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/32 ngày 23/6/2017, số tiền gốc là 198.820.000 đồng, thời

hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, tiền lãi trong hạn là 10.727.996 đồng đã thanh toán đủ, bị chuyển quá hạn từ ngày 25/9/2017, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 18/8/2020 là 84.116.765 đồng, đã trả 177.447 đồng, chưa trả 83.939.318 đồng.

Theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/33 ngày 21/7/2017, số tiền gốc là 444.015.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, tiền lãi trong hạn là 23.958.309 đồng đã thanh toán đủ, bị chuyển quá hạn từ ngày 27/11/2017, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 18/8/2020 là 182.426.350 đồng, đã trả 15.410 đồng, chưa trả 182.410.940 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 18/8/2020, Công ty T.T đã trả hết số tiền lãi trong hạn, nhưng chưa trả số tiền lãi quá hạn theo 04 khế ước trên gồm: 192.893.381 đồng + 107.620.660 đồng + 83.939.318 đồng + 182.410.940 đồng = 566.864.299 đồng. Kể từ ngày 18/8/2020 đến nay, do không còn nợ gốc, nên không phát sinh tiền lãi.

Xét thấy, tại các khế ước nhận nợ, các bên đều thỏa thuận lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và lãi suất cho vay của các kỳ thay đổi lãi suất tiếp theo do Ngân hàng cấp tín dụng quy định tại thời điểm điều chỉnh. Ngân hàng giao nộp đầy đủ các quyết định ban hành biểu lãi suất cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp. Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, quyết định ban hành lãi suất. Công ty T.T không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H, buộc Công ty T.T phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15/01/2021 là 566.864.299 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Tại thời điểm thụ lý vụ án, Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích 35,3m^2 đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 46-1F, tờ bản đồ số 09 NH, địa chỉ số …, hẻm …/…/…, phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội

thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông L.A.T, bà L.T.H và 04 xe ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty T.T. Do ngày 18/8/2020, ông T đã thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn lại của Công ty T.T, nên Ngân hàng đã trả bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T để làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp và rút yêu cầu xử lý đối với tài sản nêu trên của ông T, bà H. Vì vậy, Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu xử lý đối với tài sản nêu trên của ông T, bà H.

Đối với các tài sản thế chấp còn lại gồm: Xe ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, số khung KLY2B11ZDDC040226, số máy LA08S2039151KD2, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2236/17/HĐBĐ-194 ngày 22/5/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng; Xe ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, số khung KLY2B11ZDEC009178, số máy LA08S2132490264; Xe ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, số khung KLY2B11ZDEC007530, số máy LA08S2132360084; Xe ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, số khung KLY2B11ZDDC045124, số máy LA08S2047562KD2, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2422/17/ HĐBĐ-194 ngày 31/5/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng. Nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty T.T đối với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2937/16/ HĐTDHM-DN/194 ngày 25/7/2016, các hợp đồng cấp tín dụng khác, phụ lục, sửa đổi, bổ sung hợp đồng, khế ước nhận nợ, thỏa thuận của Công ty T.T với Ngân hàng làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ. Xét các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên do Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H - Chi nhánh H và Công ty T.T tự nguyện ký kết, nội dung tuân thủ quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 327 của Bộ luật Dân sự 2015, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ, nên các hợp đồng có hiệu lực và phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký.

Theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H, ngày 20/10/2020 và ngày 06/12/2020, cán bộ Ngân hàng đã đến kiểm tra tài sản thế chấp tại bãi đỗ xe ở số ..., phố N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội, thấy có đầy đủ 04 xe ô tô tải nêu trên và đã chụp ảnh nộp cho Tòa án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và giấy triệu tập cho Công ty T.T. Tuy nhiên, tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2020, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Cán bộ tư pháp phường G và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã kiểm tra toàn bộ bãi đỗ xe, nhưng không thấy 04 xe ô tô tải đã thế chấp.

Nay Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm. Xét thấy 04 xe ô tô tải nêu trên bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty T.T, căn cứ vào Điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp Công ty T.T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi khoản nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi thanh toán chi phí xử lý tài sản, khoản nợ, nếu còn thừa thì trả cho Công ty T.T, nếu thiếu thì Công ty T.T có nghĩa vụ trả nốt.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 32.272.000 đồng, Công ty T.T phải trả tổng số tiền là 566.864.299 đồng, nên phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.674.572 đồng.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 327 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H gồm:

1.1. Buộc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số nợ gốc là 1.383.101.695 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, một trăm linh một nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng).

1.2. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng diện tích 35,3m^2 đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 46-1F, tờ bản đồ số 09 NH, địa chỉ số …, hẻm …/…/…, phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 371xxx, số vào sổ cấp GCN CH001xxx 65/2013/QĐUB do UBND quận B cấp ngày 16/01/2013 cho bà L.T.H, ông L.A.T để thu hồi nợ.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H về việc đòi Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T trả số tiền phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2937/16/HĐTDHM-DN/194 ngày 25/7/2016, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/29 ngày 19/6/2017, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/31 ngày 22/6/2017, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/ 16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/32 ngày 23/6/2017 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2937/16/HĐTDHM-DN/194/ĐNGN-KUNN/33 ngày 21/7/2017. Buộc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T phải trả Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 15/01/2021 là 566.864.299 đồng (Năm trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng).

2.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Trường hợp Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm gồm:

- Xe ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, số khung KLY2B11ZDDC040226, số máy LA08S2039151KD2, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2236/17/HĐBĐ-194 ngày 22/5/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

- Xe ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, số khung KLY2B11ZDEC009178, số máy LA08S2132490264; Xe ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, số khung KLY2B11ZDEC007530, số máy LA08S2132360084; Xe ô tô tải VAN nhãn hiệu DAEWOO, số khung KLY2B11ZDDC045124, số máy LA08S2047562KD2, thế chấp theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2422/17/HĐBĐ-194 ngày 31/5/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

2.4. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi thanh toán chi phí xử lý tài sản và khoản nợ nêu trên, nếu còn thừa thì trả cho Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T, nếu thiếu thì Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H đến khi hết nợ.

2.5. Về án phí:

- Trả lại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 32.272.000 đồng (Ba mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003421 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.674.572 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng).

2.6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.8. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Thương mại quốc tế T.T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam